

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2023
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Phương Ch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị N

2. Bà Trần Thị Kham L

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân T tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị M, sinh năm: 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Đ, huyện Thạnh H, tỉnh Long An

2. *Bị đơn:* ông Phạm Hữu T, sinh năm: 1980 (*vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: ấp Kênh Đứng, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Phạm Thị P, sinh năm: 1964 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Đ, huyện Thạnh H, tỉnh Long An

3.2. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm: 1978 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp Kênh Đứng, xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - bà Trần Thị M trình bày:

Bà và ông Phạm Hữu T chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau khi cưới vài tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong thời gian bà mang thai con đầu lòng đã bị ông T đánh đập. Quá trình chung sống, bà bị ông T đánh đập rất nhiều lần, có lần bị ông T đánh chảy máu mũi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, ông T không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà hành hung, đánh đập bà và các con. Khi vợ chồng mâu thuẫn, bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhiều lần. Ông T có đến năn nỉ để hàn gắn tình cảm, vì thương con nên bà quay về tiếp tục chung sống với ông T nhưng sau đó ông T vẫn không sửa đổi tính tình, lại tiếp tục hành hung, đánh đập bà. Hiện nay bà đã về cha mẹ ruột sinh sống và đã ly thân với ông T. Nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: bà và ông T có 02 con chung:

1/ Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/8/2007.

2/ Phạm Thế K, sinh ngày 01/11/2015.

Khi bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì bà định đưa 02 con đi cùng nhưng ông T không đồng ý. Sau đó ông T có đưa 02 con về thăm bà. Hai con không muốn sống chung với ông T. Vì vậy bà chuyển trường học cho cháu H. Hiện nay cháu H sống chung nhà với bà (sống chung nhà cha mẹ ruột của bà). Còn cháu K thì rất sợ ông T vì K bị ông T dọa nạt, đánh đập nhiều lần, ông T yêu cầu K làm gì thì phải làm theo yêu cầu của ông T, nếu làm trái ý thì sẽ bị ông T đánh. Nhiều lần như vậy nên cháu K rất sợ hãi, không muốn sống chung với ông T. Lần gần đây nhất (cách nay khoảng hơn 01 tháng), do K không làm theo ý ông T nên bị ông T đánh đập. Lần này có bà Phạm Thị P là chị ruột của ông T biết nên bà P đưa cháu K đến trình báo Công an xã Tân N, huyện Tân T. Sau đó bà P đưa cháu K về giao cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ đó thì cháu K sống chung nhà với bà cho đến nay.

Như vậy hiện nay hai con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con chung có nguyện vọng sống chung với bà, không đồng ý sống chung với ông T, hơn nữa trong thời gian các con sống chung nhà với ông T thường xuyên bị ông T hăm dọa, đánh đập. Vì vậy, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo lời khai tại Tòa án, bị đơn là ông Phạm Hữu T trình bày:

Ông và bà Trần Thị M chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau, bà M có

hành vi phản bội ông nhiều lần, bà M hỗn với mẹ ông, ghen tuông vô cớ làm mất uy tín của ông, xử sự không tốt với người thân trong gia đình bên chồng. Ông có đánh đập bà M nhiều lần. Ông và bà M đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay ông xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà M.

- Về con chung: ông và bà M có 02 con chung:

1/ Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/8/2007.

2/ Phạm Thế K, sinh ngày 01/11/2015.

Hai con chung thời gian trước đây sống chung nhà với vợ chồng ông. Khi bà M về nhà cha mẹ ruột ở huyện Thanh H sinh sống thì ông cũng có đưa 02 con về thăm bà M. Sau đó thì bà M tự ý chuyển trường học cho cháu H. Còn về con chung tên K thì sau khi bà M về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì cháu K vẫn sống chung nhà với ông. Ông thường đưa cháu K về thăm mẹ. Cách nay khoảng hơn 01 tháng do cháu K nói dối nên ông có dùng tay đẩy vào mặt cháu K. Khi đó có bà Phạm Thị P (chị ruột của ông) nghĩ là ông đánh con nên bà P có trình báo Công an xã Tân N, huyện Tân T. Sau đó, bà P đưa cháu K về giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc từ đó cho đến nay. Như vậy, hai con chung hiện nay do bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên K, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung tên K. Đối với con chung tên H thì ông đồng ý giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung tên H.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày, bị đơn vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn: chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa bà M và ông T. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao hai con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa nguyên đơn Trần Thị M với bị đơn Phạm Hữu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Phạm Hữu T vắng mặt không lý do. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Người làm chứng Phạm Thị Ch vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Ch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Tân T, tỉnh Long An vào ngày 12/7/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà M và ông T thì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Bà M trình bày ông T không chăm lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, về nhà đánh đập bà M và hai con. Còn ông T trình bày bà M có hành vi phản bội ông T nhiều lần, ghen tuông vô cớ, xử sự không tốt với người thân trong gia đình bên chồng. Do có nhiều mâu thuẫn nên bà M và ông T đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, bà M và ông T không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có thiện chí, giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Theo lời khai của ông T tại bản tự khai và tại phiên hòa giải thì ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn của bà M và ông T theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà M và ông T có hai con chung tên: Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/8/2007 và Phạm Thế K, sinh ngày 01/11/2015.

Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Còn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên K, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung tên K. Đối với con chung tên H thì ông T đồng ý giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung tên H.

Như vậy, bà M và ông T thống nhất việc giao con chung tên Phạm Thị Ngọc H cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Còn con chung tên Phạm Thế K thì bà M và ông T có tranh chấp về việc nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và ông T cung cấp chứng cứ để chứng minh các điều kiện nuôi con, thể hiện như sau:

- Bà M cung cấp: hợp đồng lao động giữa bà với Công ty TNHH Samduk Việt Nam và các bảng lương của bà từ tháng 9, 10, 11 năm 2022; đơn xin giành quyền nuôi con (đơn ghi ngày 05/12/2022) ghi rõ các điều kiện nuôi con được Ch quyền địa phương nơi cư trú xác nhận; đơn xin được quyền nuôi con (đơn ghi ngày 28/12/2022) có Trưởng ấp và Công an xã Tân N xác nhận; hồ sơ học bạ chuyển trường cho cháu Phạm Thế K; ngoài ra bà M còn cung cấp ảnh chụp một bên mặt của cháu K, bà M trình bày ảnh chụp một bên mặt của cháu K bị sưng đỏ do bị ông T đánh.

- Ông T cung cấp: đơn xin xác nhận cha cho đất (đơn ghi ngày 27/12/2022) có chữ ký của những người thân trong gia đình và có xác nhận của Ch quyền địa

phương; đơn xin xác nhận về việc đủ điều kiện nuôi con (đơn ghi ngày 05/12/2022) có xác nhận của Ch quyền địa phương; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Phạm Hữu Trí (bản photo).

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với con chung tên Phạm Thị Ngọc H: giữa bà M và ông T thống nhất việc giao con chung tên Phạm Thị Ngọc H cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên H. Theo bản tự khai ngày 17/10/2022 và bản tự khai ngày 28/12/2022, cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Trần Thị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu Phạm Thị Ngọc H cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu H, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà M nên được chấp nhận.

- Đối với con chung tên Phạm Thế K: căn cứ vào lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy: bà M đi làm công ty, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đảm bảo được cuộc sống cho các con. Hiện bà M ở chung nhà với cha mẹ ruột, nhà gần trường học, thuận tiện việc đi lại, học tập của các con. Theo lời trình bày của bà Phạm Thị P và bà Phạm Thị Ch (là chị ruột của ông T) thì ông T thường xuyên có hành vi hăm dọa, đánh đập bà M và các con rất nhiều lần, có lần bà P cùng cha ruột bà P là ông Phạm Hữu Trí đưa cháu K đến trình báo Công an xã Tân N, huyện Tân T về việc cháu K bị ông T đánh sưng đỏ mặt. Bà P và bà Ch có ý kiến đề nghị Tòa án giao cháu K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo về tinh thần, sức khỏe và tính mạng cho cháu K. Ngoài ra, theo biên bản ghi lời khai ngày 14/11/2022 tại Công an xã Tân N, huyện Tân T, ông Phạm Hữu Trí (là cha ruột ông T) trình bày cháu K thường xuyên bị cha là ông T đánh đập nhiều lần, ông Trí yêu cầu để cháu K sống cùng với mẹ là bà M. Còn về tài liệu, chứng cứ ông T cung cấp xác nhận việc cha cho đất nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện vẫn do ông Phạm Hữu Trí (là cha ruột ông T) đứng tên, chưa chuyển quyền sử dụng sang cho ông T. Ông T là con út nên sống chung nhà với cha, canh tác đất của cha mẹ. Ngoài ra ông T cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh nghề nghiệp, thu nhập của ông T. Theo lời khai của ông T tại Công an xã Tân N, huyện Tân T thì ông T thừa nhận có dùng tay đẩy vào mặt cháu K, có hăm dọa đánh cháu K. Hơn nữa, theo bản tự khai ngày 17/10/2022 và bản tự khai ngày 16/12/2022, cháu K có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Thế K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần, ổn định việc học tập của cháu K. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu K, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà M nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M và ông T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị M và ông Phạm Hữu T.

Về con chung: Bà Trần Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên: Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/8/2007 và Phạm Thế K, sinh ngày 01/11/2015. Ông Phạm Hữu T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị M có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0004457 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang án phí, bà M không phải nộp thêm. Ông Phạm Hữu T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Ch

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kham Ly - Trần Thị Năm

Đặng Nguyễn Phương Chi